

TỜ TRÌNH

**Về việc xây dựng kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan,
tổ chức hành chính nhà nước và số lượng người làm việc trong các đơn vị
sự nghiệp công lập tỉnh Bình Phước năm 2020**

Thực hiện Công văn số 2457/BNV-TCBC ngày 03/6/2019 của Bộ Nội vụ về xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp năm 2020.

Sau khi tiến hành rà soát nhu cầu về vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, UBND tỉnh Bình Phước xây dựng kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Phước năm 2020 như sau:

I. Khái quát đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh

Bình Phước là tỉnh miền núi, biên giới được thành lập ngày 01/01/1997, có diện tích tự nhiên là: 687.246,53 ha. Theo số liệu đến 31/12/2018, về số đơn vị hành chính tỉnh có 8 huyện, 02 thị xã, 01 thành phố; 111 xã, phường, thị trấn (90 xã, 15 phường, 6 thị trấn); dân số 983.821 người. Trong đó, dân tộc thiểu số chiếm gần 20% dân số toàn tỉnh với 41 dân tộc anh em cùng sinh sống, có 4 huyện (Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng và Bù Gia Mập) được công nhận là huyện miền núi với 64 xã miền núi, 15 xã biên giới, chiều dài biên giới giáp Vương quốc Campuchia trên 260,433 km. Đồng thời, hiện nay công tác quản lý nhà nước các ngành, lĩnh vực tăng, kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển.

Tổng số đơn vị sự nghiệp toàn tỉnh hiện nay là 598 (trong đó: Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 560 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 18 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 20 đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và chi đầu tư: 0 đơn vị).

II. Kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2019 như sau:

1. Tổng hợp kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng 68 theo Nghị định số 68/200/ND-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc địa phương năm 2020 (có Biểu mẫu 2A, 2B, đính kèm).



2. Kết quả thực hiện tình giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc (Biểu mẫu số 2C đính kèm).

III. Kiến nghị, đề xuất:

1. Kính đề nghị Bộ Nội vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, xem xét cho tỉnh Bình Phước **tiếp tục giữ nguyên số biên chế công chức là 1.928 biên chế do Bộ Nội vụ giao năm 2019.**

Lý do: Do kinh tế - xã hội phát triển nên chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan, tổ chức tăng thêm; trong khi đó, không được bổ sung biên chế khi có người nghỉ hưu, nghỉ việc, thôi việc theo nguyện vọng, chuyển công tác... và phải tiếp tục thực hiện tình giản biên chế... nên gây nhiều khó khăn cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

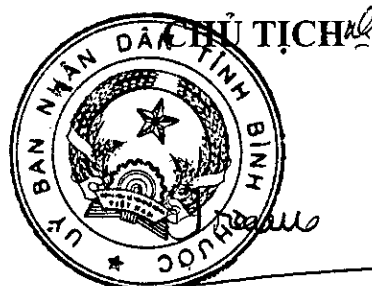
2. Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2020 trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh tăng (có Biểu mẫu 2B), do nhu cầu số lượng học sinh của tỉnh mỗi năm mỗi tăng (đặc biệt là lĩnh vực mầm non) nên phải tăng trường, tăng lớp, tăng số học sinh; tăng số giường bệnh. Về vấn đề này, UBND tỉnh Bình Phước đã có Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 07/11/2018 về việc xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp năm 2019 và Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế gửi Bộ Nội vụ, nhưng vẫn chưa được xem xét, bổ sung biên chế.

Trên đây là kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2020 của UBND tỉnh Bình Phước, kính chuyển Bộ Nội vụ, Vụ Tổ chức - Biên chế, Bộ Nội vụ xem xét, chấp thuận.

(Gửi kèm: Biểu mẫu 2A, 2B, 2C; Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 07/11/2018; Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh)/.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức TU;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT.(H13)



Nguyễn Văn Trăm



Biểu số 2A

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNG NĂM TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH(Kèm theo Tờ trình số **39** /TTr-UBND ngày **24** / **6** /2019 của UBND tỉnh Bình Phước)

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế được giao năm 2019			Có mặt đến thời điểm 31/3/2019						Biên chế công chức chưa thực hiện so với số giao năm 2019			Kế hoạch biên chế năm 2020			Tăng, giảm giữa kế hoạch BC năm 2020 so với BC được giao năm 2019		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra					Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			Số biên chế công chức	Số HĐLĐ theo ND 68 và ND 161		Công chức lãnh đạo	Công chức chuyên môn	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161	Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có)	Viên chức trong cơ quan, tổ chức hành chính (nếu có)		Công chức	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161		Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161		Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161
	TỔNG CỘNG	2148	1872	280	2110	654	1179	277	0	0	39	26	0	2141	1872	280	0	0	0
A	CẤP TỈNH	1150	962	188	1132	355	592	185	0	0	15	2	0	1153	962	188	0	0	0
1	VP ĐDBQH & HĐND	32	24	8	32	14	10	8	0	0	0	0	0	32	24	8	0	0	0
2	Văn phòng UBND	67	46	21	66	21	25	20	0	0	0	0	0	67	46	21	0	0	0
3	Sở Nội vụ	79	64	15	79	24	40	15	0	0	0	0	0	79	64	15	0	0	0
4	Thanh tra tỉnh	32	28	4	32	11	17	4	0	0	0	0	0	33	28	4	0	0	0
5	Sở Tư pháp	32	28	4	32	11	17	4	0	0	0	0	0	32	28	4	0	0	0
6	Sở Tài chính	50	42	8	50	18	24	8	0	0	0	0	0	50	42	8	0	0	0
7	Sở Kế hoạch và ĐT	41	36	5	41	12	24	5	0	0	0	0	0	41	36	5	0	0	0
8	Sở Công Thương	38	34	4	38	10	24	4	0	0	0	0	0	38	34	4	0	0	0
9	BQL Khu kinh tế	36	31	5	36	14	17	5	0	0	0	0	0	36	31	5	0	0	0
10	Sở Giao thông vận tải	64	52	12	64	17	35	12	0	0	0	0	0	64	52	12	0	0	0
11	Sở Thông tin và TT	28	23	5	28	11	12	5	0	0	0	0	0	28	23	5	0	0	0
12	Sở Xây dựng	54	48	6	54	13	35	6	0	0	0	0	0	56	48	6	0	0	0
13	Sở NN và PTNT	228	195	33	214	75	107	32	0	0	13	0	0	228	195	33	0	0	0

14	Sở Tài nguyên và MT	58	53	5	58	20	33	5	0	0	0	0	0	58	53	5	0	0	0
15	Sở Khoa học và CN	40	33	7	40	13	20	7	0	0	0	0	0	40	33	7	0	0	0
16	Sở LĐ, TB và XH	54	43	11	54	15	28	11	0	0	0	0	0	54	43	11	0	0	0
17	Sở VH, TT và DL	45	37	8	45	13	24	8	0	0	0	0	0	45	37	8	0	0	0
18	Sở Y tế	71	61	10	71	15	46	10	0	0	0	0	0	71	61	10	0	0	0
19	Sở Giáo dục và ĐT	60	51	9	57	15	34	8	0	0	2	2	0	60	51	9	0	0	0
20	Ban Dân tộc	21	17	4	21	7	10	4	0	0	0	0	0	21	17	4	0	0	0
21	Sở Ngoại vụ	20	16	4	20	6	10	4	0	0	0	0	0	20	16	4	0	0	0
B	CẤP HUYỆN	988	896	92	978	299	587	92	0	0	10	10	0	988	896	92	0	0	0
1	UBND thị xã Đồng Xoài	92	83	9	92	27	56	9	0	0	0	0	0	92	83	9	0	0	0
2	UBND thị xã Bình Long	86	80	6	86	25	55	6	0	0	0	0	0	86	80	6	0	0	0
3	UBND thị xã Phước Long	88	80	8	88	24	56	8	0	0	0	0	0	88	80	8	0	0	0
4	UBND huyện Đồng Phú	90	82	8	90	32	50	8	0	0	0	0	0	90	82	8	0	0	0
5	UBND huyện Chơn Thành	87	80	7	87	25	55	7	0	0	0	0	0	87	80	7	0	0	0
6	UBND huyện Hớn Quản	87	80	7	87	24	56	7	0	0	0	0	0	87	80	7	0	0	0
7	UBND huyện Lộc Ninh	96	85	11	96	32	53	11	0	0	0	0	0	96	85	11	0	0	0
8	UBND huyện Bù Đốp	89	80	9	89	23	57	9	0	0	0	0	0	89	80	9	0	0	0
9	UBND huyện Bù Đăng	92	85	7	92	33	52	7	0	0	0	0	0	92	85	7	0	0	0
10	UBND huyện Bù Gia Mập	94	82	12	94	27	55	12	0	0	0	0	0	94	82	12	0	0	0
11	UBND huyện Phú Riềng	87	79	8	77	27	42	8	0	0	10	10	0	87	79	8	0	0	0
C	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	10	14								14	14	0	0	14				

KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HÀNG NĂM TRONG CÁC ĐƠN VỊ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 24 / 6 /2019 của UBND tỉnh Bình Phước)

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Kinh phí hoạt động (mức độ tự chủ)	Số lượng người làm việc được giao năm 2019				Có mặt đến thời điểm 31/3/2019				Kế hoạch số lượng người làm việc năm 2020			Tăng, giảm giữa kế hoạch BC năm 2020 so với biên chế được giao năm 2019		
					Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
						Số lượng người làm việc	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161	Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ được giao		Số lượng người làm việc	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161	Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ được giao		Số lượng người làm việc	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161		Số lượng người làm việc	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG				23669	20697	2972	0	23582	20619	2963	0	24824	21852	2972	1154	1154	0
I.	Giáo dục- Đào tạo				18348	15952	2396	0	18358	15965	2393	0	19366	16970	2396	1018	1018	0
1	Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề	UBND tỉnh			201	177	24	0	200	177	23	0	210	186	24	9	9	0
	Trường Cao đẳng nghề BP	UBND tỉnh		0%	64	56	8	0	64	56	8		66	58	8	2	2	0
	Trường Cao đẳng y	UBND tỉnh		0%	75	66	9	0	74	66	8		79	70	9	4	4	0
	Trường CĐSP Bình Phước	UBND tỉnh		0%	62	55	7	0	62	55	7		65	58	7	3	3	0
2	Trung tâm GDTX, Trung tâm dạy nghề	UBND tỉnh		0%	346	328	18	0	344	327	17	0	417	399	18	71	71	0
	TTGDTX tỉnh	UBND tỉnh		0%	39	35	4	0	38	35	3		59	55	4	20	20	0
	TTGDTX Đồng Phú	UBND tỉnh		0%	47	45	2	0	47	45	2		48	46	2	1	1	0
	TTGDTX Bù Đăng	UBND tỉnh		0%	58	56	2	0	58	56	2		59	57	2	1	1	0
	TTGDTX Phước Long	UBND tỉnh		0%	42	40	2	0	42	40	2		57	55	2	15	15	0
	TTGDTX Bù Đốp	UBND tỉnh		0%	48	46	2	0	47	45	2		49	47	2	1	1	0
	TTGDTX Lộc Ninh	UBND tỉnh		0%	41	39	2	0	41	39	2		52	50	2	11	11	0
	TTGDTX Bình Long	UBND tỉnh		0%	24	22	2	0	24	22	2		45	43	2	21	21	0
	TTGDTX Chơn Thành	UBND tỉnh		0%	47	45	2	0	47	45	2		48	46	2	1	1	0
3	Cơ sở giáo dục có tên gọi khác			0%	288	254	34	0	284	251	33	0	367	333	34	79	79	0
	Trường PT DTNT Tỉnh	UBND tỉnh		0%	69	63	6	0	66	60	6		89	83	6	20	20	0

	Trường PTDTNT THCS Đồng Phú	UBND tỉnh		0%	51	46	5	0	51	46	5		52	47	5	1	1	0
	Trường PTDTNT Điều Ong	UBND tỉnh		0%	40	35	5	0	39	35	4		51	46	5	11	11	0
	Trường PTDTNT Phước Long	UBND tỉnh		0%	34	30	4	0	34	30	4		59	55	4	25	25	0
	Trường PTDTNT Lộc Ninh	UBND tỉnh		0%	50	42	8	0	50	42	8		51	43	8	1	1	0
	Trường PTDTNT Bình Long	UBND tỉnh		0%	44	38	6	0	44	38	6		65	59	6	21	21	0
4	Giáo dục phổ thông			0%	17513	15193	2320	0	17530	15210	2320	0	18372	16052	2320	859	859	0
a	Trường THPT			0%	2512	2320	192	0	2435	2243	192	0	2651	2459	192	139	139	0
	Trường THPT chuyên Quang Trung	UBND tỉnh		0%	92	85	7	0	82	75	7		92	85	7	0	0	0
	Trường THPT chuyên Bình Long	UBND tỉnh		0%	90	85	5	0	63	58	5		94	89	5	4	4	0
	Trường THPT Đồng Xoài	UBND tỉnh		0%	90	85	5	0	84	79	5		92	87	5	2	2	0
	Trường THPT Nguyễn Du	UBND tỉnh		0%	83	77	6	0	83	77	6		85	79	6	2	2	0
	Trường THPT Hùng Vương	UBND tỉnh		0%	76	70	6	0	76	70	6		94	88	6	18	18	0
	Trường THPT Phước Bình	UBND tỉnh		0%	84	80	4	0	74	70	4		85	81	4	1	1	0
	Trường THPT Phú Riềng	UBND tỉnh		0%	86	81	5	0	82	77	5		88	83	5	2	2	0
	Trường THPT Phước Long	UBND tỉnh		0%	84	79	5	0	84	79	5		92	87	5	8	8	0
	Trường THPT Nguyễn Khuyến	UBND tỉnh		0%	76	71	5	0	70	65	5		79	74	5	3	3	0
	Trường THPT Thống Nhất	UBND tỉnh		0%	71	65	6	0	71	65	6		72	66	6	1	1	0
	Trường THPT Lê Quý Đôn	UBND tỉnh		0%	74	68	6	0	64	58	6		75	69	6	1	1	0
	Trường THPT Bù Đăng	UBND tỉnh		0%	71	65	6	0	71	65	6		91	85	6	20	20	0
	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	UBND tỉnh		0%	71	65	6	0	71	65	6		72	66	6	1	1	0
	Trường THPT Nguyễn Huệ	UBND tỉnh		0%	82	75	7	0	82	75	7		83	76	7	1	1	0
	Trường THPT Bình Long	UBND tỉnh		0%	84	78	6	0	84	78	6		85	79	6	1	1	0
	Trường THPT Chơn Thành	UBND tỉnh		0%	81	75	6	0	81	75	6		91	85	6	10	10	0
	Trường THPT Chu Văn An	UBND tỉnh		0%	83	77	6	0	83	77	6		84	78	6	1	1	0
	Trường THPT Lộc Thái	UBND tỉnh		0%	72	65	7	0	87	80	7		88	81	7	16	16	0
	Trường THPT Lộc Ninh	UBND tỉnh		0%	82	74	8	0	82	74	8		83	75	8	1	1	0
	Trường THPT Lộc Hiệp	UBND tỉnh		0%	73	67	6	0	73	67	6		74	68	6	1	1	0
	Trường THPT Đồng Phú	UBND tỉnh		0%	75	69	6	0	75	69	6		76	70	6	1	1	0
	Trường THPT Thanh Hòa	UBND tỉnh		0%	76	70	6	0	72	66	6		92	86	6	16	16	0
	Trường THPT Trần Phú	UBND tỉnh		0%	81	73	8	0	81	73	8		82	74	8	1	1	0
	Trường THPT Ngô Quyền	UBND tỉnh		0%	74	68	6	0	74	68	6		75	69	6	1	1	0
	Trường PT Cấp 2-3 Đăk Ô	UBND tỉnh		0%	76	70	6	0	64	58	6		95	89	6	19	19	0
	Trường PT Cấp 2-3 Đa Kia	UBND tỉnh		0%	81	75	6	0	81	75	6		82	76	6	1	1	0
	Trường PT Cấp 2-3 Lương Thế Vinh	UBND tỉnh		0%	83	77	6	0	83	77	6		84	78	6	1	1	0
	Trường PT Cấp 2-3 Đồng Tiến	UBND tỉnh		0%	71	65	6	0	71	65	6		72	66	6	1	1	0



	Trường PT Cấp 2-3 Đặng Hà	UBND tỉnh		0%	74	68	6	0	74	68	6		75	69	6	1	1	0
	Trường PT Cấp 2-3 Tân Tiến	UBND tỉnh		0%	74	68	6	0	71	65	6		75	69	6	1	1	0
	Trường PT Cấp 2-3 Võ Thị Sáu	UBND tỉnh		0%	69	63	6	0	69	63	6		70	64	6	1	1	0
	Trường PT Cấp 2-3 Nguyễn Bình Khiêm	UBND tỉnh		0%	73	67	6	0	73	67	6		74	68	6	1	1	0
b	Các trường Tiểu học			0%	5853	5228	625	0	5891	5266	625	0	6091	5466	625	238	238	0
1	Trường Tiểu học Tân Thiện			0%	39	35	4	0	39	35	4		41	37	4	2	2	0
2	Trường Tiểu học Tiến Hưng A			0%	33	29	4	0	32	28	4		35	31	4	2	2	0
3	Trường Tiểu học Tiến Hưng B			0%	36	32	4	0	36	32	4		38	34	4	2	2	0
4	Trường Tiểu học Tân Bình			0%	39	35	4	0	39	35	4		41	37	4	2	2	0
5	Trường Tiểu học Tân Bình B			0%	38	34	4	0	35	31	4		40	36	4	2	2	0
6	Trường Tiểu học Tân Xuân B			0%	39	35	4	0	33	29	4		41	37	4	2	2	0
7	Trường Tiểu học Tân Xuân C			0%	38	34	4	0	36	32	4		40	36	4	2	2	0
8	Trường Tiểu học Tân Thành A			0%	36	32	4	0	36	32	4		38	34	4	2	2	0
9	Trường Tiểu học Tân Thành B			0%	35	31	4	0	35	31	4		37	33	4	2	2	0
10	Trường Tiểu học Tân Phú			0%	32	28	4	0	32	28	4		34	30	4	2	2	0
11	Trường Tiểu học Tân Phú B			0%	38	34	4	0	38	34	4		40	36	4	2	2	0
12	Trường Tiểu học Tân Phú C			0%	29	25	4	0	29	25	4		31	27	4	2	2	0
13	Trường Tiểu học Tân Đồng			0%	32	28	4	0	32	28	4		34	30	4	2	2	0
14	Trường Tiểu học Tiến Thành			0%	34	30	4	0	34	30	4		36	32	4	2	2	0
15	Trường Tiểu học An Lộc A			0%	35	31	4	0	35	31	4		36	32	4	1	1	0
16	Trường Tiểu học An Lộc B			0%	30	26	4	0	30	26	4		31	27	4	1	1	0
17	Trường Tiểu học An Phú			0%	31	27	4	0	31	27	4		32	28	4	1	1	0
18	Trường Tiểu học Lê Văn Tám			0%	39	35	4	0	39	35	4		40	36	4	1	1	0
19	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc			0%	32	28	4	0	32	28	4		33	29	4	1	1	0
20	Trường Tiểu học Thanh Lương A			0%	32	28	4	0	32	28	4		33	29	4	1	1	0
21	Trường Tiểu học Thanh Lương B			0%	25	21	4	0	25	21	4		26	22	4	1	1	0
22	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu			0%	29	25	4	0	29	25	4		30	26	4	1	1	0

23	Trường Tiểu học Thanh Phú B			0%	28	24	4	0	28	24	4		29	25	4	1	1	0
24	Trường Tiểu học Thanh Phú A			0%	25	21	4	0	25	21	4		26	22	4	1	1	0
25	Trường Tiểu học Thanh Bình			0%	27	23	4	0	27	23	4		28	24	4	1	1	0
26	Trường Tiểu học Lộc Thái A			0%	30	26	4	0	30	26	4		31	27	4	1	1	0
27	Trường Tiểu Học Chu Văn An			0%	29	25	4	0	29	25	4		30	26	4	1	1	0
28	Trường Tiểu Học Lê Hồng Phong			0%	32	29	3	0	32	29	3		33	30	3	1	1	0
29	Trường Tiểu Học Long Giang			0%	38	34	4	0	38	34	4		39	35	4	1	1	0
30	Trường Tiểu Học Phước Tín A			0%	34	30	4	0	34	30	4		35	31	4	1	1	0
31	Trường Tiểu Học Phước Tín B			0%	39	35	4	0	39	35	4		40	36	4	1	1	0
32	Trường Tiểu Học Sơn Giang			0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
33	Trường Tiểu Học Thác Mơ			0%	30	26	4	0	30	26	4		31	27	4	1	1	0
34	Trường Tiểu Học Trần Hưng Đạo			0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
35	Trường Tiểu Học Phan Bội Châu			0%	28	25	3	0	28	25	3		29	26	3	1	1	0
36	Trường Tiểu Học Trương Vĩnh Ký			0%	36	32	4	0	36	32	4		37	33	4	1	1	0
37	Trường Tiểu học Đồng Tâm A			0%	33	30	3	0	33	30	3		34	31	3	1	1	0
38	Trường Tiểu học Đồng Tâm B			0%	40	36	4	0	40	36	4		41	37	4	1	1	0
39	Trường Tiểu học Đồng Tiến A			0%	36	32	4	0	36	32	4		37	33	4	1	1	0
40	Trường Tiểu học Đồng Tiến B			0%	35	32	3	0	35	32	3		36	33	3	1	1	0
41	Trường Tiểu học Tân Hòa			0%	34	30	4	0	34	30	4		35	31	4	1	1	0
42	Trường Tiểu học Tân Lập B			0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
43	Trường Tiểu học Tân Lợi			0%	36	32	4	0	36	32	4		37	33	4	1	1	0
44	Trường Tiểu học Tân Phước A			0%	34	31	3	0	34	31	3		35	32	3	1	1	0
45	Trường Tiểu học Thuận Lợi B			0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0
46	Trường Tiểu học và THCS Tân Hưng			0%	33	30	3	0	33	30	3		34	31	3	1	1	0
47	Trường Tiểu học Tân Lập A			0%	38	34	4	0	38	34	4		39	35	4	1	1	0



48	Trường Tiểu học Tân Tiến			0%	35	32	3	0	35	32	3		36	33	3	1	1	0
49	Trường Tiểu học Thuận Phú 2			0%	35	32	3	0	35	32	3		36	33	3	1	1	0
50	Trường Tiểu học Tân Phước B			0%	36	32	4	0	36	32	4		37	33	4	1	1	0
51	Trường Tiểu học Thuận Phú 1			0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
52	Trường Tiểu học Tân Phú			0%	39	35	4	0	39	35	4		40	36	4	1	1	0
53	Trường Tiểu học Thuận Lợi A			0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
54	Trường Tiểu học Lộc Hưng			0%	32	29	3	0	32	29	3		33	30	3	1	1	0
55	Trường Tiểu học Lộc Điền A			0%	39	35	4	0	39	35	4		40	36	4	1	1	0
56	Trường Tiểu học Lộc Thành B			0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
57	Trường Tiểu học Lộc Thịnh			0%	28	24	4	0	28	24	4		29	25	4	1	1	0
58	Trường Tiểu học Lộc Điền B			0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
59	Trường Tiểu học Lộc Khánh			0%	28	24	4	0	28	24	4		29	25	4	1	1	0
60	Trường Tiểu học Lộc Thái B			0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
61	Trường Tiểu học TT Lộc Ninh			0%	30	26	4	0	30	26	4		31	27	4	1	1	0
62	Trường Tiểu học Lộc Hiệp			0%	30	27	3	0	30	27	3		31	28	3	1	1	0
63	Trường Tiểu học Lộc Hòa			0%	35	31	4	0	35	31	4		36	32	4	1	1	0
64	Trường Tiểu học Lộc An			0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0
65	Trường Tiểu học TT Lộc Ninh A			0%	33	29	4	0	33	29	4		34	30	4	1	1	0
66	Trường Tiểu học Lộc Tấn B			0%	27	24	3	0	27	24	3		28	25	3	1	1	0
67	Trường Tiểu học Lộc Thuận B			0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
68	Trường Tiểu học Lộc Thiện			0%	32	28	4	0	32	28	4		33	29	4	1	1	0
69	Trường Tiểu học Lộc Phú			0%	34	31	3	0	34	31	3		35	32	3	1	1	0
70	Trường Tiểu học Lộc Thành A			0%	29	26	3	0	29	26	3		30	27	3	1	1	0
71	Trường Tiểu học Lộc Quang			0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
72	Trường Tiểu học Lộc Thuận A			0%	32	28	4	0	32	28	4		33	29	4	1	1	0
73	Trường Tiểu học Lộc Tấn A			0%	36	32	4	0	36	32	4		37	33	4	1	1	0
74	Trường Tiểu học Long Hà A			0%	29	26	3	0	29	26	3		30	27	3	1	1	0
75	Trường Tiểu học Long Hà B			0%	25	22	3	0	25	22	3		26	23	3	1	1	0
76	Trường Tiểu học Long Hà C			0%	34	31	3	0	34	31	3		35	32	3	1	1	0

77	Trường Tiểu học Bình Thắng A			0%	35	31	4	0	35	31	4		36	32	4	1	1	0
78	Trường Tiểu học Bình Thắng B			0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
79	Trường Tiểu học Bù Nho			0%	36	32	4	0	36	32	4		37	33	4	1	1	0
80	Trường Tiểu học Đa Kì A			0%	34	31	3	0	34	31	3		35	32	3	1	1	0
81	Trường Tiểu học Đa Kì B			0%	30	27	3	0	30	27	3		31	28	3	1	1	0
82	Trường Tiểu học Đa Kì C			0%	31	27	4	0	31	27	4		32	28	4	1	1	0
83	Trường Tiểu học Long Hưng A			0%	32	29	3	0	32	29	3		33	30	3	1	1	0
84	Trường Tiểu học Long Hưng			0%	30	26	4	0	30	26	4		31	27	4	1	1	0
85	Trường Tiểu học Long Phú			0%	31	28	3	0	41	38	3		42	39	3	11	11	0
86	Trường Tiểu học Long Tân			0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
87	Trường Tiểu học Lê Hoàn			0%	29	25	4	0	29	25	4		30	26	4	1	1	0
88	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc			0%	35	32	3	0	35	32	3		36	33	3	1	1	0
89	Trường Tiểu học Phú Riêng A			0%	40	36	4	0	40	36	4		41	37	4	1	1	0
90	Trường Tiểu học Phú Riêng B			0%	28	25	3	0	38	35	3		39	36	3	11	11	0
91	Trường Tiểu học Phú Trung			0%	29	25	4	0	34	30	4		35	31	4	6	6	0
92	Trường Tiểu học Vừ A Dính			0%	25	22	3	0	35	32	3		36	33	3	11	11	0
93	Trường Tiểu học Bù Gia Mập			0%	32	29	3	0	32	29	3		33	30	3	1	1	0
94	Trường Tiểu học Đăk Á			0%	32	29	3	0	32	29	3		33	30	3	1	1	0
95	Trường Tiểu học Đăk Ô			0%	27	24	3	0	27	24	3		28	25	3	1	1	0
96	Trường Tiểu học Trương Định			0%	30	26	4	0	30	26	4		31	27	4	1	1	0
97	Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh			0%	29	26	3	0	29	26	3		30	27	3	1	1	0
98	Trường Tiểu học Hai Bà Trưng			0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0
99	Trường Tiểu học Hoàng Diệu			0%	38	34	4	0	38	34	4		39	35	4	1	1	0
100	Trường Tiểu học Kim Đồng			0%	23	20	3	0	33	30	3		34	31	3	11	11	0
101	Trường Tiểu học Lê Lợi			0%	29	25	4	0	29	25	4		30	26	4	1	1	0
102	Trường Tiểu học Lê Văn Tám			0%	33	29	4	0	33	29	4		34	30	4	1	1	0
103	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ			0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
104	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai			0%	40	36	4	0	40	36	4		41	37	4	1	1	0
105	Trường Tiểu học Phú Nghĩa			0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0

106	Trường Tiểu học Ngô Quyền		0%	34	31	3	0	34	31	3	0	35	32	3	1	1	0
107	Trường Tiểu học Chu Văn An		0%	35	31	4	0	35	31	4	0	36	32	4	1	1	0
1	TH Trần Quốc Toàn		0%	38	35	3	0	38	35	3	0	39	36	3	1	1	0
2	TH Đak Nhau		0%	30	26	4	0	30	26	4	0	31	27	4	1	1	0
3	TH Võ Thị Sáu		0%	39	36	3	0	39	36	3	0	40	37	3	1	1	0
4	TH Nguyễn Trãi		0%	33	30	3	0	33	30	3	0	34	31	3	1	1	0
5	TH Đồng Nai		0%	35	31	4	0	35	31	4	0	36	32	4	1	1	0
6	TH Nghĩa Trung		0%	26	23	3	0	26	23	3	0	27	24	3	1	1	0
7	TH Minh Hưng		0%	36	32	4	0	36	32	4	0	37	33	4	1	1	0
8	TH Bom Bo		0%	31	28	3	0	31	28	3	0	32	29	3	1	1	0
9	TH Kim Đồng		0%	30	26	4	0	30	26	4	0	31	27	4	1	1	0
10	TH Trịnh Hoài Đức		0%	33	30	3	0	33	30	3	0	34	31	3	1	1	0
11	TH Phú Sơn		0%	35	31	4	0	35	31	4	0	36	32	4	1	1	0
12	TH Đoàn kết		0%	32	29	3	0	32	29	3	0	33	30	3	1	1	0
13	TH Tô Vĩnh Diện		0%	28	25	3	0	28	25	3	0	29	26	3	1	1	0
14	TH Nguyễn Bá Ngọc		0%	37	33	4	0	37	33	4	0	38	34	4	1	1	0
15	TH Lê Văn Tám		0%	35	31	4	0	35	31	4	0	36	32	4	1	1	0
16	THCS Thống Nhất		0%	31	27	4	0	31	27	4	0	32	28	4	1	1	0
17	TH Đức Phong		0%	38	34	4	0	38	34	4	0	39	35	4	1	1	0
18	Trường PT cấp 1-2 Trần Văn Ôn		0%	37	33	4	0	37	33	4	0	38	34	4	1	1	0
19	TH Trần Phú		0%	33	29	4	0	33	29	4	0	34	30	4	1	1	0
20	TH Lê Hồng phong		0%	35	31	4	0	35	31	4	0	36	32	4	1	1	0
21	TH Thọ Sơn		0%	33	29	4	0	33	29	4	0	34	30	4	1	1	0
22	TH Thống Nhất		0%	33	30	3	0	33	30	3	0	34	31	3	1	1	0
23	TH Nguyễn Thái Bình		0%	33	29	4	0	33	29	4	0	34	30	4	1	1	0
24	TH Phước Sơn		0%	40	37	3	0	40	37	3	0	41	38	3	1	1	0
25	TH Nguyễn Văn Trỗi		0%	28	24	4	0	28	24	4	0	29	25	4	1	1	0
26	TH Đặng Hà		0%	33	30	3	0	33	30	3	0	34	31	3	1	1	0
27	TH Đức Liễu		0%	39	35	4	0	39	35	4	0	40	36	4	1	1	0
28	TH Nguyễn Viết Xuân		0%	36	32	4	0	36	32	4	0	37	33	4	1	1	0
29	TH Lý Tự Trọng		0%	25	21	4	0	25	21	4	0	26	22	4	1	1	0
137	TH Xuân Hồng		0%	32	28	4	0	32	28	4	0	33	29	4	1	1	0
139	Trường TH Tân Hiệp		0%	34	30	4	0	34	30	4	0	35	31	4	1	1	0
140	Trường TH Tân Hiệp B		0%	35	31	4	0	35	31	4	0	36	32	4	1	1	0
141	Trường TH Đồng Nơ		0%	33	29	4	0	33	29	4	0	34	30	4	1	1	0
142	Trường TH Trần Cao Văn		0%	29	25	4	0	29	25	4	0	30	26	4	1	1	0
143	Trường TH Minh Tâm		0%	32	28	4	0	32	28	4	0	33	29	4	1	1	0
144	Trường TH An Phú		0%	38	34	4	0	38	34	4	0	39	35	4	1	1	0
145	Trường TH Tân Lợi		0%	32	29	3	0	32	29	3	0	33	30	3	1	1	0
146	Trường TH An Khương		0%	35	31	4	0	35	31	4	0	36	32	4	1	1	0
147	Trường TH Tân Hưng A		0%	33	30	3	0	33	30	3	0	34	31	3	1	1	0
148	Trường TH Tân Hưng B		0%	31	27	4	0	31	27	4	0	32	28	4	1	1	0

149	Trường TH Thanh An		0%	35	32	3	0	35	32	3		36	33	3	1	1	0
150	Trường TH Trà Thanh		0%	33	29	4	0	33	29	4		34	30	4	1	1	0
151	Trường TH Phước An A		0%	38	34	4	0	38	34	4		39	35	4	1	1	0
152	Trường TH Phước An B		0%	35	31	4	0	35	31	4		36	32	4	1	1	0
153	Trường TH Thanh Bình		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
154	Trường TH Tân Khai A		0%	29	25	4	0	29	25	4		30	26	4	1	1	0
155	Trường TH Tân Khai B		0%	28	24	4	0	28	24	4		29	25	4	1	1	0
156	Trường TH Tân Quan		0%	40	36	4	0	40	36	4		41	37	4	1	1	0
157	TH Hưng Phước		0%	33	29	4	0	33	29	4		34	30	4	1	1	0
158	TH Phước Thiện		0%	40	36	4	0	40	36	4		41	37	4	1	1	0
159	TH Thiện Hưng A		0%	41	37	4	0	41	37	4		42	38	4	1	1	0
160	TH Thiện Hưng B		0%	32	30	2	0	32	30	2		33	31	2	1	1	0
161	TH Thiện Hưng C		0%	26	22	4	0	26	22	4		27	23	4	1	1	0
162	TH Thanh Bình A		0%	38	34	4	0	38	34	4		39	35	4	1	1	0
163	TH Thanh Bình B		0%	29	25	4	0	29	25	4		30	26	4	1	1	0
164	TH Thanh Hòa		0%	36	32	4	0	36	32	4		37	33	4	1	1	0
165	TH Tân Tiến		0%	36	34	2	0	36	34	2		37	35	2	1	1	0
166	TH Tân Thành A		0%	43	39	4	0	43	39	4		44	40	4	1	1	0
167	TH Tân Thành B		0%	32	30	2	0	32	30	2		33	31	2	1	1	0
168	Trường Tiểu học Chơn Thành A		0%	37	33	4	0	37	33	4		38	34	4	1	1	0
169	Trường Tiểu học Minh Hưng A		0%	42	38	4	0	42	38	4		43	39	4	1	1	0
170	Trường Tiểu học Kim Đồng		0%	35	33	2	0	35	33	2		36	34	2	1	1	0
171	Trường Tiểu học Minh Long		0%	42	38	4	0	42	38	4		43	39	4	1	1	0
172	Trường Tiểu học Quang Minh		0%	37	35	2	0	37	35	2		38	36	2	1	1	0
173	Trường Tiểu học Nha Bích		0%	39	35	4	0	42	38	4		43	39	4	4	4	0
174	Trường Tiểu học Minh Lập		0%	38	34	4	0	38	34	4		39	35	4	1	1	0
175	Trường Tiểu học Minh Thành		0%	39	35	4	0	41	37	4		42	38	4	3	3	0
c	Các trường THCS		0%	3926	3644	282	0	3962	3680	282	0	4079	3797	282	153	153	0
1	Trường THCS Tân Phú		0%	45	42	3	0	45	42	3		48	45	3	3	3	0
2	Trường THCS Tân Thiện		0%	43	40	3	0	43	40	3		45	42	3	2	2	0
3	Trường THCS Tân Đồng		0%	46	43	3	0	46	43	3		48	45	3	2	2	0
4	Trường THCS Tiến Hưng		0%	48	45	3	0	48	45	3		50	47	3	2	2	0
5	Trường THCS Tân Xuân		0%	45	43	2	0	45	43	2		47	45	2	2	2	0
6	Trường THCS Tân Bình		0%	49	46	3	0	49	46	3		51	48	3	2	2	0
7	Trường THCS Tiến Thành		0%	46	43	3	0	46	43	3		48	45	3	2	2	0
8	Trường THCS Tân Thành		0%	42	39	3	0	42	39	3		44	41	3	2	2	0
9	Trường THCS Tân Tiến		0%	50	48	2	0	50	48	2		51	49	2	1	1	0
10	Trường THCS Đồng Tâm		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
11	Trường THCS Tân Lợi		0%	43	40	3	0	43	40	3		44	41	3	1	1	0
12	Trường THCS Tân Lập		0%	47	44	3	0	47	44	3		48	45	3	1	1	0



13	Trường THCS Tân Phước		0%	34	32	2	0	34	32	2		35	33	2	1	1	0
14	Trường THCS Thuận Lợi		0%	42	39	3	0	52	49	3		53	50	3	11	11	0
15	Trường THCS Tân Phú		0%	43	40	3	0	50	47	3		51	48	3	8	8	0
16	Trường THCS Tân Hòa		0%	50	47	3	0	50	47	3		51	48	3	1	1	0
17	Trường THCS Thuận Phú		0%	46	43	3	0	46	43	3		47	44	3	1	1	0
18	THCS Phan Bội Châu		0%	38	35	3	0	38	35	3		40	37	3	2	2	0
19	THCS Thọ Sơn		0%	48	46	2	0	48	46	2		49	47	2	1	1	0
20	THCS Quang Trung		0%	42	39	3	0	52	49	3		53	50	3	11	11	0
21	THCS Nguyễn Trường Tộ		0%	46	43	3	0	46	43	3		47	44	3	1	1	0
22	Trường THCS Bình Minh		0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
23	THCS Nguyễn Khuyến		0%	49	46	3	0	49	46	3		50	47	3	1	1	0
24	THCS Đoàn Đức Thái		0%	42	40	2	0	42	40	2		43	41	2	1	1	0
25	THCS Chu Văn An		0%	44	41	3	0	44	41	3		45	42	3	1	1	0
26	Trường PT cấp 1-2 Trần Văn Ôn		0%	41	38	3	0	41	38	3		42	39	3	1	1	0
27	THCS Võ Trường Toản		0%	47	45	2	0	52	50	2		53	51	2	6	6	0
28	THCS Minh Hưng		0%	34	31	3	0	34	31	3		35	32	3	1	1	0
29	THCS Nghĩa Trung		0%	34	31	3	0	34	31	3		35	32	3	1	1	0
30	THCS Nghĩa Bình		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0
31	THCS ĐỨC LIÊU		0%	41	38	3	0	41	38	3		42	39	3	1	1	0
32	Trường THCS Minh Thành		0%	44	41	3	0	44	41	3		45	42	3	1	1	0
33	Trường THCS Minh Long		0%	33	30	3	0	33	30	3		44	41	3	11	11	0
34	Trường THCS Minh Hưng		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0
35	Trường THCS Lương Thế Vinh		0%	40	37	3	0	40	37	3		41	38	3	1	1	0
36	Trường THCS Minh Thắng		0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0
37	Trường THCS Minh Lập		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0
38	Trường THCS Tân Khai		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0
39	Trường THCS Tân Quan		0%	29	26	3	0	29	26	3		30	27	3	1	1	0
40	Trường THCS Thanh Bình		0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
41	Trường THCS Phước An		0%	43	40	3	0	43	40	3		44	41	3	1	1	0
42	Trường THCS Tân Lợi		0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
43	Trường THCS Tân Hưng		0%	43	40	3	0	43	40	3		44	41	3	1	1	0
44	Trường THCS Thanh An		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
45	Trường THCS An Khương		0%	43	40	3	0	43	40	3		44	41	3	1	1	0
46	Trường THCS An Phú		0%	46	43	3	0	46	43	3		47	44	3	1	1	0
47	Trường THCS Minh Tâm		0%	36	33	3	0	36	33	3		37	34	3	1	1	0
48	Trường THCS Minh Đức		0%	45	42	3	0	45	42	3		46	43	3	1	1	0
49	Trường THCS Đồng Nơ		0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
50	Trường THCS Tân Hiệp		0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0
51	Trường THCS Lộc Điền		0%	48	45	3	0	52	49	3		53	50	3	5	5	0
52	Trường THCS Lộc Thuận		0%	49	46	3	0	49	46	3		50	47	3	1	1	0
53	Trường THCS Lộc Thiện		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0
54	Trường THCS TT Lộc Ninh		0%	41	38	3	0	41	38	3		42	39	3	1	1	0

55	Trường THCS Lộc Quang		0%	44	41	3	0	44	41	3		45	42	3	1	1	0
56	Trường THCS Lộc An		0%	43	40	3	0	43	40	3		44	41	3	1	1	0
57	Trường THCS Lộc Thành		0%	44	41	3	0	44	41	3		45	42	3	1	1	0
58	Trường THCS Lộc Thái		0%	47	44	3	0	47	44	3		48	45	3	1	1	0
59	Trường THCS Lộc Hòa		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
60	Trường THCS Lộc Hưng		0%	46	43	3	0	46	43	3		47	44	3	1	1	0
61	Trường THCS Lộc Tấn		0%	34	31	3	0	34	31	3		35	32	3	1	1	0
62	Trường TH&THCS Lộc Thạnh		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
63	Trường THCS Lộc Hiệp		0%	48	45	3	0	48	45	3		49	46	3	1	1	0
64	Trường THCS Lộc Khánh		0%	45	42	3	0	45	42	3		46	43	3	1	1	0
65	Trường THCS Thanh Lương		0%	46	43	3	0	46	43	3		47	44	3	1	1	0
66	Trường THCS Thanh Phú		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0
67	Trường THCS An Lộc		0%	45	42	3	0	45	42	3		46	43	3	1	1	0
68	Trường THCS An Lộc B		0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0
69	Trường THCS An Phú		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0
70	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
71	Trường THCS Phước Bình		0%	53	50	3	0	53	50	3		54	51	3	1	1	0
72	Trường THCS Phước Tín		0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0
73	Trường THCS Thác Mơ		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
74	Trường TH&THCS Trần Phú		0%	34	31	3	0	34	31	3		35	32	3	1	1	0
75	Trường THCS Bình Thắng		0%	41	38	3	0	41	38	3		42	39	3	1	1	0
76	Trường THCS Bù Nho		0%	44	41	3	0	44	41	3		45	42	3	1	1	0
77	Trường THCS Long Bình		0%	41	38	3	0	41	38	3		42	39	3	1	1	0
78	Trường THCS Long Hà		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
79	Trường THCS Long Hưng		0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
80	Trường THCS Long Tân		0%	31	28	3	0	31	28	3		32	29	3	1	1	0
81	Trường THCS Bình Sơn		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
82	Trường THCS Lý Tự Trọng		0%	29	26	3	0	29	26	3		30	27	3	1	1	0
83	Trường THCS Nguyễn Du		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
84	Trường THCS Trần Quốc Toản		0%	30	27	3	0	30	27	3		32	29	3	2	2	0
85	Trường THCS Bù Gia Mập		0%	39	36	3	0	39	36	3		40	37	3	1	1	0
86	Trường THCS Lý Thường Kiệt		0%	29	26	3	0	29	26	3		30	27	3	1	1	0
87	Trường THCS Nguyễn Trãi		0%	40	37	3	0	40	37	3		41	38	3	1	1	0
88	Trường THCS Phước Minh		0%	30	27	3	0	30	27	3		31	28	3	1	1	0
89	Trường THCS Đắk Ô		0%	29	26	3	0	29	26	3		30	27	3	1	1	0
90	Trường THCS Phú Nghĩa		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0
91	THCS Hưng Phước		0%	37	34	3	0	37	34	3		38	35	3	1	1	0
92	THCS Phước Thiện		0%	42	39	3	0	42	39	3		43	40	3	1	1	0



93	THCS Bù Đốp		0%	33	30	3	0	33	30	3		34	31	3	1	1	0
94	THCS Thanh Bình		0%	30	27	3	0	30	27	3		31	28	3	1	1	0
95	THCS Thanh Hòa		0%	59	56	3	0	59	56	3		60	57	3	1	1	0
96	THCS Tân Thành		0%	38	35	3	0	38	35	3		39	36	3	1	1	0
4	Các trường Mầm non		0%	5222	4001	1221	0	5242	4021	1221	0	5551	4330	1221	329	329	0
	Trường Mầm non Hoa Cúc		0%	50	38	12	0	50	38	12		63	51	12	13	13	0
	Trường Mầm non Hoa Hồng		0%	59	50	9	0	59	50	9		67	58	9	8	8	0
	Trường Mầm non Hoa Lan		0%	44	35	9	0	44	35	9		47	38	9	3	3	0
	Trường Mầm non Hoa Huệ		0%	41	32	9	0	41	32	9		54	45	9	13	13	0
	Trường Mầm non Hoa Phượng		0%	44	32	12	0	44	32	12		47	35	12	3	3	0
	Trường Mầm non Họa Mi		0%	51	42	9	0	51	42	9		54	45	9	3	3	0
	Trường Mầm non Hướng Dương		0%	41	30	11	0	41	30	11		44	33	11	3	3	0
	Trường Mầm non Hoa Sen		0%	41	32	9	0	41	32	9		44	35	9	3	3	0
	Trường Mầm non Hoa Mai		0%	49	36	13	0	49	36	13		61	48	13	12	12	0
	Trường Mầm non Hoa Đào		0%	47	36	11	0	47	36	11		50	39	11	3	3	0
	Trường MN Tân Khai		0%	48	35	13	0	48	35	13		54	41	13	6	6	0
	Trường MN Tân Quan		0%	39	30	9	0	39	30	9		51	42	9	12	12	0
	Trường MN Thanh Bình		0%	41	32	9	0	41	32	9		43	34	9	2	2	0
	Trường MN Phước An		0%	43	34	9	0	43	34	9		50	41	9	7	7	0
	Trường MN Tân Lợi		0%	48	33	15	0	48	33	15		55	40	15	7	7	0
	Trường MN Tân Hưng		0%	40	31	9	0	40	31	9		42	33	9	2	2	0
	Trường MN Thanh An		0%	41	32	9	0	41	32	9		43	34	9	2	2	0
	Trường MN An Khương		0%	40	31	9	0	40	31	9		42	33	9	2	2	0
	Trường MN An Phú		0%	56	41	15	0	56	41	15		58	43	15	2	2	0
	Trường MN Minh Đức		0%	40	31	9	0	40	31	9		42	33	9	2	2	0
	Trường MN Minh Tâm		0%	40	31	9	0	50	41	9		52	43	9	12	12	0
	Trường MN Đồng Nơ		0%	37	28	9	0	37	28	9		39	30	9	2	2	0
	Trường Mầm non Minh Thắng		0%	40	29	11	0	40	29	11		42	31	11	2	2	0
	Trường mầm non Nha Bích		0%	37	28	9	0	47	38	9		49	40	9	12	12	0
	Trường Mầm non Minh Long		0%	41	32	9	0	41	32	9		43	34	9	2	2	0
	Trường Mầm non Minh Hưng		0%	48	34	14	0	48	34	14		50	36	14	2	2	0
	Trường Mầm non Minh Lập		0%	50	41	9	0	50	41	9		52	43	9	2	2	0
	Trường Mầm non Minh Thành		0%	53	44	9	0	53	44	9		55	46	9	2	2	0
	Trường Mầm Non Sao Mai		0%	48	39	9	0	48	39	9		50	41	9	2	2	0
	Trường MG Bình Thắng		0%	47	35	12	0	47	35	12		49	37	12	2	2	0
	Trường MG Bù Nho		0%	38	29	9	0	38	29	9		40	31	9	2	2	0
	Trường MG Tuổi thơ		0%	37	28	9	0	37	28	9		39	30	9	2	2	0

	Trường MG Long Bình			0%	41	29	12	0	41	29	12		43	31	12	2	2	0
	Trường MG Long Hà			0%	36	27	9	0	36	27	9		37	28	9	1	1	0
	Trường MG Long Hưng			0%	54	39	15	0	54	39	15		56	41	15	2	2	0
	Trường MG Long Phú			0%	37	28	9	0	37	28	9		39	30	9	2	2	0
	Trường MG Long Tân			0%	45	36	9	0	45	36	9		47	38	9	2	2	0
	Trường MG Măng Non			0%	43	34	9	0	43	34	9		45	36	9	2	2	0
	Trường MG Phú Riêng A			0%	52	38	14	0	52	38	14		54	40	14	2	2	0
	Trường MG Phú Riêng B			0%	51	42	9	0	51	42	9		53	44	9	2	2	0
	Trường MG Phú Riêng Đỏ			0%	55	41	14	0	55	41	14		57	43	14	2	2	0
	Trường MG Phú Trung			0%	44	35	9	0	44	35	9		46	37	9	2	2	0
	Trường MG Vành Khuyên			0%	45	36	9	0	45	36	9		47	38	9	2	2	0
	Trường MG Đắk Ô			0%	54	39	15	0	54	39	15		56	41	15	2	2	0
	Trường MG Đức Hạnh			0%	53	38	15	0	53	38	15		55	40	15	2	2	0
	Trường MG Hướng Dương			0%	38	37	1	0	38	37	1		40	39	1	2	2	0
	Trường MG Hoa Hồng			0%	44	35	9	0	44	35	9		46	37	9	2	2	0
	Trường MG Phú Nghĩa			0%	51	36	15	0	51	36	15		53	38	15	2	2	0
	Trường MG Phước Tân			0%	38	29	9	0	38	29	9		40	31	9	2	2	0
	Trường MG Bình Minh			0%	35	26	9	0	35	26	9		37	28	9	2	2	0
	Trường MG Bông Sen			0%	36	27	9	0	36	27	9		38	29	9	2	2	0
	Trường MG Hòa Mĩ			0%	41	29	12	0	41	29	12		43	31	12	2	2	0
	MG Tuổi Thơ			0%	50	35	15	0	50	35	15		52	37	15	2	2	0
	MG Sơn Ca			0%	43	34	9	0	43	34	9		45	36	9	2	2	0
	MG Anh Đào			0%	43	28	15	0	43	28	15		45	30	15	2	2	0
	MG Hoa Cúc			0%	36	27	9	0	36	27	9		38	29	9	2	2	0
	MG Phước Sơn			0%	46	37	9	0	46	37	9		48	39	9	2	2	0
	MG Hoa Sen			0%	52	37	15	0	52	37	15		54	39	15	2	2	0
	MG Hoa Hồng			0%	44	29	15	0	44	29	15		46	31	15	2	2	0
	MG Hướng Dương			0%	47	38	9	0	47	38	9		49	40	9	2	2	0
	MG Hoa Phượng			0%	40	31	9	0	40	31	9		42	33	9	2	2	0
	MN Hòa Mĩ			0%	38	29	9	0	38	29	9		40	31	9	2	2	0
	MG Măng Non			0%	40	31	9	0	40	31	9		42	33	9	2	2	0
	MG Bình Minh			0%	49	34	15	0	49	34	15		51	36	15	2	2	0
	MG Vành Khuyên			0%	55	40	15	0	55	40	15		57	42	15	2	2	0
	MG Thanh Bình			0%	35	26	9	0	35	26	9		37	28	9	2	2	0
	MG Hoa Lan			0%	36	27	9	0	36	27	9		38	29	9	2	2	0
	MG Sao Mai			0%	43	34	9	0	43	34	9		45	36	9	2	2	0
	MG Tuổi Hồng			0%	41	32	9	0	41	32	9		43	34	9	2	2	0
	MG Đức Liễu			0%	46	31	15	0	46	31	15		48	33	15	2	2	0
	MG Hoa Mai			0%	35	26	9	0	35	26	9		37	28	9	2	2	0
	Trường Mẫu giáo Hướng Dương			0%	41	32	9	0	41	32	9		43	34	9	2	2	0
	Trường Mầm non Sao Mai			0%	48	33	15	0	48	33	15		50	35	15	2	2	0
	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng			0%	38	29	9	0	38	29	9		40	31	9	2	2	0
	Trường Mẫu giáo Lộc Hiệp			0%	44	35	9	0	44	35	9		46	37	9	2	2	0
	Trường Mẫu giáo Vàng Anh			0%	46	37	9	0	46	37	9		48	39	9	2	2	0

Trường Mẫu giáo Vàng Khuyên			0%	51	36	15	0	51	36	9	53	38	15	2	2	0
Trường Mẫu giáo Hòa Mi			0%	47	38	9	0	47	38	9	49	40	9	2	2	0
Trường Mẫu giáo Hoa Phượng			0%	42	33	9	0	42	33	9	44	35	9	2	2	0
Trường Mẫu giáo Lộc Quang			0%	28	19	9	0	28	19	9	30	21	9	2	2	0
Trường Mẫu giáo Sơn Ca			0%	46	31	15	0	46	31	15	48	33	15	2	2	0
Trường Mẫu giáo Măng Non			0%	37	28	9	0	37	28	9	39	30	9	2	2	0
Trường Mẫu giáo Hoa Mai			0%	34	25	9	0	34	25	9	36	27	9	2	2	0
Trường Mẫu giáo Sao Sáng			0%	40	31	9	0	40	31	9	42	33	9	2	2	0
Trường Mẫu giáo Lộc Hưng			0%	32	23	9	0	32	23	9	34	25	9	2	2	0
Trường Mẫu giáo Hoa Cúc			0%	45	36	9	0	45	36	9	47	38	9	2	2	0
Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ			0%	36	27	9	0	36	27	9	38	29	9	2	2	0
Trường Mầm non Sơn Ca			0%	41	32	9	0	41	32	9	43	34	9	2	2	0
Trường Mẫu Giáo Hương Sen			0%	43	34	9	0	43	34	9	45	36	9	2	2	0
Trường Mẫu Giáo Sơn Giang			0%	40	31	9	0	40	31	9	42	33	9	2	2	0
Trường Mẫu Giáo Phước Bình			0%	45	36	9	0	45	36	9	47	38	9	2	2	0
Trường Mẫu Giáo Phước Tín			0%	47	38	9	0	47	38	9	49	40	9	2	2	0
Trường Mẫu Giáo Sao Mai			0%	41	32	9	0	41	32	9	43	34	9	2	2	0
Trường Mẫu Giáo Sao Sáng			0%	39	30	9	0	39	30	9	41	32	9	2	2	0
Trường Mầm non Hòa Mi			0%	38	29	9	0	38	29	9	40	31	9	2	2	0
Trường mầm non An Lộc			0%	53	44	9	0	53	44	9	55	46	9	2	2	0
Trường Mầm non Vành Khuyên			0%	37	28	9	0	37	28	9	39	30	9	2	2	0
Trường Mầm non Thanh Phú			0%	37	28	9	0	37	28	9	39	30	9	2	2	0
Trường Mầm non Thanh Lương			0%	33	24	9	0	33	24	9	35	26	9	2	2	0
Trường Mầm non An Phú			0%	45	36	9	0	45	36	9	47	38	9	2	2	0
Trường Mầm non Đồng Tâm			0%	44	35	9	0	44	35	9	46	37	9	2	2	0
Trường Mầm non Đồng Tiến			0%	38	29	9	0	38	29	9	40	31	9	2	2	0
Trường Mầm non Hoa Hồng			0%	54	45	9	0	54	45	9	56	47	9	2	2	0
Trường Mầm non Hướng Dương			0%	53	44	9	0	53	44	9	55	46	9	2	2	0
Trường Mầm non Sơn Ca			0%	40	31	9	0	40	31	9	42	33	9	2	2	0
Trường Mầm non Tân Hòa			0%	39	30	9	0	39	30	9	41	32	9	2	2	0

	Trường Mầm Tân Hưng		0%	39	30	9	0	39	30	9		41	32	9	2	2	0
	Trường Mầm non Tân Lập		0%	37	28	9	0	37	28	9		39	30	9	2	2	0
	Trường Mầm non Tân Lợi		0%	34	25	9	0	34	25	9		36	27	9	2	2	0
	Trường Mầm non Tân Phú		0%	59	50	9	0	59	50	9		61	52	9	2	2	0
	Trường Mầm non Tân Phước		0%	46	37	9	0	46	37	9		48	39	9	2	2	0
	Trường Mầm non Tân Tiến		0%	50	41	9	0	50	41	9		52	43	9	2	2	0
	Trường Mầm non Thuận Lợi		0%	33	24	9	0	33	24	9		35	26	9	2	2	0
	Trường Mầm non Tuổi Ngọc		0%	39	30	9	0	39	30	9		41	32	9	2	2	0
	Trường MG Hưng Phước		0%	33	24	9	0	33	24	9		35	26	9	2	2	0
	Trường MG Phước Thiện		0%	34	25	9	0	34	25	9		36	27	9	2	2	0
	Trường MG Tuổi thơ		0%	41	32	9	0	41	32	9		43	34	9	2	2	0
	MG Thanh Bình		0%	40	31	9	0	40	31	9		42	33	9	2	2	0
	MG Thanh Hòa		0%	48	39	9	0	48	39	9		50	41	9	2	2	0
	MG Tân Tiến		0%	54	45	9	0	54	45	9		56	47	9	2	2	0
	MG Tân Thành		0%	42	33	9	0	42	33	9		44	35	9	2	2	0
II	Y tế		0%	3613	3371	242	0	3532	3292	240	0	3705	3463	242	92	92	0
	Tuyển tỉnh		0%	1084	1008	76	0	1084	1008	76	0	1165	1089	76	81	81	0
	a) Bệnh viện		0%	815	765	50	0	815	765	50	0	886	836	50	71	71	0
	Bệnh viện YHCT tỉnh Bình Phước	UBND tỉnh	60%	100	85	15	0	100	85	15		105	90	15	5	5	0
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh		50%	715	680	35	0	715	680	35		781	746	35	66	66	0
	b) Y tế dự phòng		0%	269	243	26	0	269	243	26	0	279	253	26	10	10	0
	TT Kiểm soát bệnh tật		0%	208	202	6	0	208	202	6		214	208	6	6	6	0
	TT Giám định Y khoa - Pháp y		0%	26	18	8	0	26	18	8		28	20	8	2	2	0
	TT kiểm nghiệm Dược phẩm, Mỹ phẩm		0%	35	23	12	0	35	23	12		37	25	12	2	2	0
	Tuyển huyện		0%	2529	2363	166	0	2448	2284	164	0	2540	2374	166	11	11	0
	* Tổng		0%	2248	2193	55	0	2167	2114	53	0	2259	2204	55	11	11	0
	TTYT huyện Bù Gia Mập		25%	185	180	5	0	160	155	5		186	181	5	1	1	0
	TTYT huyện Phú Riềng		50%	118	113	5	0	118	113	5		119	114	5	1	1	0
	TTYT thị xã Đồng Xoài		50%	142	137	5	0	141	137	4		143	138	5	1	1	0
	TTYT huyện Chơn Thành		50%	178	173	5	0	178	173	5		179	174	5	1	1	0
	TTYT huyện Bù Đăng		50%	326	321	5	0	326	321	5		327	322	5	1	1	0
	TTYT huyện Lộc Ninh		50%	302	297	5	0	248	243	5		303	298	5	1	1	0
	TTYT huyện Bù Đốp		25%	172	167	5	0	172	167	5		173	168	5	1	1	0
	TTYT huyện Đồng Phú		25%	175	170	5	0	174	170	4		176	171	5	1	1	0
	TTYT thị xã Bình Long		50%	246	241	5	0	246	241	5		247	242	5	1	1	0
	TTYT thị xã Phước Long		50%	257	252	5	0	257	252	5		258	253	5	1	1	0
	TTYT huyện Hớn Quản		10%	147	142	5	0	147	142	5		148	143	5	1	1	0
	Y tế xã, phường, thị trấn		0%	281	170	111	0	281	170	111	0	281	170	111	0	0	0
	Trạm Y tế các xã, thị trấn		0%	281	170	111	0	281	170	111		281	170	111	0	0	0



III	Văn hóa, thể thao			0%	289	266	23	0	289	266	23	0	304	281	23	15	15	0
	Trung tâm Văn hóa, thông tin			0%	38	29	9	0	38	29	9		39	30	9	1	1	0
	Bảo tàng tỉnh			0%	29	26	3	0	29	26	3		30	27	3	1	1	0
	Thư viện tỉnh			0%	16	13	3	0	16	13	3		17	14	3	1	1	0
	Đoàn ca múa nhạc tổng hợp			0%	8	6	2	0	8	6	2		9	7	2	1	1	0
	Trung tâm thể dục thể thao			0%	26	24	2	0	26	24	2		27	25	2	1	1	0
	BQL Căn cứ Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng Miền nam VN			0%	6	4	2	0	6	4	2		7	5	2	1	1	0
	Sự nghiệp Văn hóa - thông tin - Thể thao các huyện, thị xã			0%	166	164	2	0	166	164	2		175	173	2	9	9	0
IV	Các đơn vị sự nghiệp khác			0%	1419	1108	311	0	1403	1096	307	0	1449	1138	311	29	29	0
	Văn phòng UBND tỉnh			0%	16	11	5	0	16	11	5	0	18	13	5	2	2	0
	Trung tâm Hành chính công			0%	16	11	5	0	16	11	5		18	13	5	2	2	0
	Sở Nội vụ			0%	19	19	0	0	19	19	0	0	21	21	0	2	2	0
	Chi cục Văn thư lưu trữ			0%	19	19	0	0	19	19	0		21	21	0	2	2	0
	Sở Tư pháp			0%	30	29	1	0	30	29	1	0	32	31	1	2	2	0
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý			0%	20	20	0	0	20	20	0		21	21	0	1	1	0
	TT Dịch vụ bán đấu giá tài sản			100%	10	9	1	0	10	9	1		11	10	1	1	1	0
	Sở Kế hoạch và Đầu tư			0%	11	10	1	0	11	10	1	0	12	11	1	1	1	0
	TT Trợ giúp Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa			0%	11	10	1	0	11	10	1		12	11	1	1	1	0
	Sở Công Thương			0%	22	20	2	0	22	20	2	0	23	21	2	1	1	0
	Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp			0%	22	20	2	0	22	20	2		23	21	2	1	1	0
	Ban Quản lý Khu kinh tế			0%	10	9	1	0	1	0	1	0	11	10	1	1	1	0
	Trung tâm Khai thác hạ tầng khu công nghiệp			100%	10	9	1	0	1	0	1		11	10	1	1	1	0
	Sở Giao thông Vận tải			0%	18	16	2	0	18	16	2	0	20	18	2	2	2	0
	Khu Quản lý Bảo trì đường bộ			0%	18	16	2	0	18	16	2		20	18	2	2	2	0
	Sở Thông tin và Truyền thông			0%	22	21	1	0	22	21	1	0	24	23	1	2	2	0
	Trung tâm CNTT và Truyền thông			0%	22	21	1	0	22	21	1		24	23	1	2	2	0
	Sở Xây dựng			0%	16	14	2	0	16	14	2	0	18	16	2	2	2	0
	Chi cục giám định xây dựng			0%	7	6	1	0	7	6	1		9	8	1	2	2	0
	Trung tâm Quy hoạch xây dựng			50%	9	8	1	0	9	8	1		9	8	1	0	0	0
	Sở Nông nghiệp			0%	125	110	15	0	124	110	14	0	131	116	15	6	6	0

	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp			0%	65	64	1	0	65	64	1		66	65	1	1	1	0
	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			0%	20	18	2	0	20	18	2		21	19	2	1	1	0
	BQL rừng phòng hộ Bù Đốp			0%	19	14	5	0	19	14	5		21	16	5	2	2	0
	BQL rừng phòng hộ Đắc Mai			0%	21	14	7	0	20	14	6		23	16	7	2	2	0
	Sở Tài nguyên và Môi trường			0%	47	43	4	0	44	40	4	0	49	45	4	2	2	0
	Văn phòng Đăng ký đất đai			0%	42	40	2	0	42	40	2		44	42	2	2	2	0
	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường			100%	5	3	2	0	2	0	2		5	3	2	0	0	0
	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội			0%	112	54	58	0	112	54	58	0	114	56	58	2	2	0
	Trung tâm Dịch vụ việc làm			0%	44	36	8	0	44	36	8		45	37	8	1	1	0
	Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục lao động xã hội			0%	68	18	50	0	68	18	50		69	19	50	1	1	0
	Đài Phát Thanh và truyền hình			15%	113	105	8	0	113	105	8		113	105	8	0	0	0
	Quỹ Phát triển đất			0%	14	11	3	0	14	11	3		15	12	3	1	1	0
	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch			0%	23	20	3	0	23	20	3		24	21	3	1	1	0
	Vườn Quốc gia Bù Gia Mập			0%	100	65	35	0	100	65	35		101	66	35	1	1	0
	Các đơn vị sự nghiệp khác cấp huyện			0%	621	486	135	0	618	486	132		622	487	135	1	1	0

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 24 / 6 /2019 của UBND tỉnh Bình Phước)

[illegible]